

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 9 - 2023

*“V/v ly hôn giữa bà Ng và ông Ch”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Phạm Thị Loan; Ông Nguyễn Gia Khải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146A/2023/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2023/QĐHPT-ST ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972.

***- Bị đơn:*** Ông Vũ Quang Ch, sinh năm 1970.

Đều ở địa chỉ: Tổ X, thị trấn A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

*(tại phiên tòa có mặt Bà Ng, ông Ch vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ng trình bày:* Bà và ông Vũ Quang Ch tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, nay là thị trấn A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/11/1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình ông Ch tại thị trấn A và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do kinh tế khó khăn bà phải đi lao động tại Đài Loan đến tháng 5/2023 thì về nước. Trong thời gian bà lao động tại Đài Loan, ông Ch ở nhà chơi cờ bạc, quan hệ nam nữ bất chính đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 5/2023 sau khi bà hết hạn hợp đồng trở về, bà và ông Ch đã sống ly thân từ đó

cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị xin được ly hôn ông Ch.

Về con chung: Bà Ng khai vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị H2, sinh ngày 14/11/1992 và Vũ Quang H5, sinh ngày 20/9/2000. Hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Ng khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là ông Vũ Quang Ch:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho ông Ch biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Ch vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của ông Ch và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 ông Ch vắng mặt.

*Tòa án đã xác minh:*

- Cụ Nguyễn Thị S1, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ Z, thị trấn A, là mẹ đẻ ông Ch; Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1992, Địa chỉ: Thôn Đ, xã A2, huyện Qu là con gái ông Ch Bà Ng; Bà Đỗ Thị H6 là công chức Tư pháp thị trấn A đã cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Ch và bà Ng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại ông Ch và bà Ng có xảy ra mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm và yêu thương nhau nữa. Đối với ông Ch hiện nay đi lao động tự do không cố định địa chỉ nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại tổ X thị trấn A. Ông Ch đã biết được việc bà Ng làm đơn khởi kiện ly hôn. Quan điểm của cụ S1 và bà H6 đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng cuộc sống vợ chồng giữa ông Ch bà Ng và giải quyết yêu cầu của bà Ng theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến:* Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ng được ly hôn ông Ch; Về con chung con đều đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng; Về tài sản chung: bà Ng không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vì vậy không đặt ra giải quyết; Bà Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ X, thị trấn A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Vũ Quang Ch được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Qu, vào ngày 08/11/1991 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông Ch và bà Ng sinh sống cùng gia đình ông Ch và lao động tự do. Quá trình chung sống do kinh tế gia đình khó khăn bà Ng đã đi lao động tại Đài Loan đến tháng 5/20223 thì về nước. Trong thời gian bà Ng lao động tại Đài Loan, giữa ông Ch và bà Ng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà Ng cho rằng ông Ch chơi bời cờ bạc và quan hệ nam nữ bất chính nhưng không có căn cứ chứng minh. Từ tháng 5/2023 bà Ng trở về nước đã sống ly thân với ông Ch. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà Ng làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với ông Ch quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để ông Ch biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng ông Ch vắng mặt. Qua xác minh lời khai cụ Nguyễn Thị S1, sinh năm 1947, địa chỉ: Tổ Z, thị trấn A là mẹ đẻ ông Ch; chị Vũ Thị H2, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Đ, xã A2, huyện Qu là con gái của ông Ch, bà Ng và bà Đỗ Thị H6 là công chức tư pháp thị trấn A đều xác nhận giữa ông Ch và bà Ng đã sống ly thân và mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hợp, hiện ông Ch đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại gia đình Tổ 8, thị trấn A, ông Ch đã biết việc bà Ng làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của cụ Sấn, chị H2 và bà H6 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân giữa ông Ch và bà Ng nhân để giải quyết cho bà Ng được ly hôn ông Ch vì hai bên đã mâu thuẫn, sống ly thân và không còn thương yêu nhau nữa. Đối với bà Ng tại phiên tòa lần vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông Ch. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa bà Ng và ông Ch đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Ng được ly hôn ông Ch là có căn cứ.

[4] Về con chung: Bà Ng và ông Ch có 02 con chung là Vũ Thị H2, sinh ngày 14/11/1992 và Vũ Quang H5, sinh ngày 20/9/2000. Hai con chung đã trưởng thành, không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Ng và ông Ch có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn ông Vũ Quang Ch.

2/Về con chung: Bà Ng và ông Ch có 02 con chung là Vũ Thị H2, sinh ngày 14/11/1992 và Vũ Quang H5, sinh ngày 20/9/2000. Hai con chung đã trưởng thành, vì vậy không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng.

3/Về tài sản chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005884 ngày 06/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Bà Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Ông Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND TT A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**